

**UBAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

S : 2492 /UBND-NLN

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 9 năm 2016.

V/v thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NQ-H ND
ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Xây dựng;
- Sở Giao thông Vận tải;
- Sở Công Thương;
- Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch;
- Kho Bạc nhà nước Tuyên Quang;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

Căn cứ Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khóa XVI) và kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội tỉnh và vùng sản xuất hàng hóa, xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tập thể nhân dân và vùng văn hóa thể thao và khuôn viên trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NQ-H ND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nhiệm vụ, trách nhiệm kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội tỉnh, xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tập thể nhân dân và vùng văn hóa thể thao, khuôn viên và mô hình công trình hỗ trợ kinh tế - xã hội nông thôn thu nhập chủ yếu từ nông nghiệp và công nghiệp nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Thông báo số 240-TB/TU ngày 24/8/2016 của Thường trực Tỉnh ủy từ ngày 23/8/2016;

Sau khi xem xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Văn bản số 912/SKH-KTN ngày 31/8/2016 và vì cơ quan hành văn bản chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NQ-H ND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh,

Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Về chủ đầu tư xây dựng các công trình

Giao cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn là chủ đầu tư xây dựng các công trình kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội tỉnh, xây

đ ng nhà v n hóa thôn, b n, t dân ph g n v i sân th thao, khuôn viên và m t s công trình h t ng kinh t - xã h i nông thôn thu c Ch ng trình m c tiêu qu c gia xây đ ng nông thôn m i t nh Tuyên Quang giai o n 2016-2020 theo Ngh quy t s 03/2016/NQ-H ND ngày 13/7/2016 c a H i ng nhân dân t nh.

2. V n v cung ng v t t , v t li u xây đ ng

2.1. S Nông nghi p và Phát tri n nông thôn là ch u t cung c p c u ki n bê tông thành m ng úc s n (*kênh Parapol c t s i thép phân tán mác 500*), g i và chi phí v n chuy n, b c x p c u ki n giao t i trung tâm xã, ph ng, th tr n kiên c hóa kênh m ng.

2.2. S Xây đ ng là ch u t cung c p toàn b c t bê tông, vì kèo thép, xà g thép, tôn l p, c a i, c a s và chi phí v n chuy n, b c x p n chân công trình ho c a i m thi công g n nh t ô tô v n chuy n n c xây đ ng nhà v n hóa thôn, b n, t dân ph .

2.3. y ban nhân dân huy n, thành ph là ch u t cung c p toàn b xi m ng, ng c ng (n u có) và chi phí v n chuy n, b c x p n a i m thi công g n nh t ô tô v n chuy n n c bê tông hóa ng giao thông tr c thôn, xóm; ng ngỗ xóm; ng giao thông n i ng và vùng s n xu t hàng hóa.

3. V t ch c th c hi n

3.1. i v i các s , ban, ngành

- T ch c t p hu n cho y ban nhân dân xã, ph ng, th tr n; các thôn, b n, t dân ph v trình t , th t c th c hi n u t xây đ ng các công trình th c hi n chính sách theo ph ng châm “Nhân dân làm, nhà n c h tr ” và h ng đ n thi t k m u, cách l p đ toán m u và trình t , k thu t thi công xây đ ng kiên c hóa kênh m ng, bê tông hóa ng giao thông n i ng, xây đ ng nhà v n hóa thôn, b n, t dân ph g n v i sân th thao, khuôn viên và m t s công trình h t ng kinh t - xã h i nông thôn thu c thu c Ch ng trình m c tiêu qu c gia xây đ ng nông thôn m i t nh Tuyên Quang giai o n 2016-2020.

- S K ho ch và u t ch trì, ph i h p v i v i các s , ngành, y ban nhân dân huy n, thành ph xem xét, cân i ngu n v n u t t các ch ng trình đ án, t ng h p báo cáo y ban nhân dân t nh quy t nh h tr xi m ng, ng c ng, v t t , v t li u và h tr kinh phí th c hi n.

- S Tài chính ch trì, ph i h p v i các s , ngành các cân i ngu n l c thu c ngân sách t nh, báo cáo y ban nhân dân t nh quy t nh h tr xi m ng, ng c ng, v t t , v t li u và h tr kinh phí th c hi n; th ng xuyên ki m tra, giám sát, thanh toán, quy t toán kinh phí do y ban nhân dân t nh h tr m b o úng quy nh hi n hành.

- S Nông nghi p và Phát tri n nông thôn, S Xây d ng (c giao ch u t) có trách nhi m cung ng y , k p th i c u ki n, v t li u xây d ng kênh m ng, nhà v n hóa thôn, b n, t nhân dân; v t li u cung ng ph i m b o ch t l ng theo úng quy chu n c a Nhà n c; v trình t cung ng v t li u, thanh, quy t toán kinh phí th c hi n theo úng quy nh quy nh hi n hành c a Nhà n c.

- Các s : Nông nghi p và Phát tri n nông thôn, Giao thông V n t i, Xây d ng, V n hoá Th thao và Du l ch, Công Th ng: c n c ch c n ng, nhi m v c a c quan th ng xuyên ki m tra, ôn c vi c thi công xây d ng các công trình m b o ch t l ng theo úng thi t k m u ã ban hành.

3.2. i v i y ban nhân dân huy n, thành ph

- Thành l p (ki n toàn) Ban Ch o, Ban qu n lý c p xã th c hi n các công trình th c hi n chính sách theo ph ng châm “Nhân dân làm, nhà n c h tr ” giai o n 2016-2020.

- Th m nh, l p k ho ch u t xây d ng các công trình h t ng nông thôn m i theo ngh c a y ban nhân dân xã, ph ng, th tr n g i S K ho ch và u t ki m tra, cân i ngu n v n, t ng h p báo cáo y ban nhân dân t nh k ho ch h tr v t t , v t li u và kinh phí th c hi n.

- Ch o và t ch c th c hi n qu n lý kinh phí mua xi m ng, ng c ng, v t t , v t li u, c c v n chuy n, kinh phí h tr cho công tác qu n lý và qu n lý ch t l ng công trình; tham gia nghi m thu, thanh, quy t toán các công trình m b o ch t l ng, úng th c t thi công, tránh th t thoát, lãng phí.

- Ch u trách nhi m toàn di n tr c y ban nhân dân t nh v quá trình tri n khai th c hi n các công trình th c hi n chính sách theo ph ng châm “Nhân dân làm, nhà n c h tr ” trên a bàn.

- Báo cáo k t qu th c hi n hàng tháng, quý, 6 tháng, c n m g i S K ho ch và u t , S Nông nghi p và Phát tri n nông thôn, S Giao thông V n t i, S Xây d ng, S Công Th ng và các ngành liên quan t ng h p, theo dõi và báo cáo y ban nhân dân t nh.

3.3 i v i y ban nhân dân xã, ph ng, th tr n

- Thành l p (ki n toàn) Ban ch o th c hi n các công trình th c hi n chính sách theo ph ng châm “Nhân dân làm, nhà n c h tr ” giai o n 2016-2020.

- T ch c tuyên truy n, v n ng nhân dân tích c c tham gia óng góp ngày công, v t li u, hi n t, t nguy n gi i phóng m t b ng thi công xây d ng công trình h t ng nông thôn m i theo ph ng châm “Nhân dân làm, nhà n c h tr ” giai o n 2016-2020.

- Ti n hành ki m tra, xác minh c th và th ng nh t danh m c các công trình báo cáo y ban nhân dân c p huy n.

- Tính toán ngày công, v t t , v t li u t ch c h p công khai cho nhân dân; tính toán xi m ng, ng c ng, v t t , v t li u, c c v n chuy n và kinh phí ph c v công tác qu n lý cho t ng công trình l p v n b n g i y ban nhân dân huy n, thành ph .

- Ch u trách nhi m phê duy t đ toán và quy t toán công trình, ch o tri n khai thi công các công trình; c cán b t ch c nghi m thu hoàn thành và bàn giao các công trình ã xây d ng xong cho thôn, b n, t dân ph s d ng và b o trì; quy t toán xi m ng, ng c ng, v t t , v t li u, c c v n chuy n ho c ngu n kinh phí c t nh h tr v i y ban nhân dân huy n, thành ph .

- Báo cáo y ban nhân dân huy n, thành ph v tình hình và k t qu th c hi n các công trình ã c xây d ng.

3.4. i v i các thôn, xóm, b n, t dân ph

- T ch c tuyên truy n, v n ng các h dân tích c c t nguy n th c hi n ch tr ng c a t nh th c hi n chính sách theo ph ng châm “Nhân dân làm, nhà n c h tr ” giai o n 2016-2020.

- T ch c th c hi n và qu n lý vi c th c hi n các công trình theo ph ng châm “Nhân dân làm, nhà n c h tr ” trên a bàn.

- Th c hi n qu n lý, b o v , khai thác và b o trì các công trình theo quy nh hi n hành.

- Báo cáo y ban nhân dân xã, ph ng, th tr n v tình hình và k t qu th c hi n các công trình ã c xây d ng.

Yêu c u các ngành ch c n ng c a t nh, y ban nhân dân huy n, thành ph kh n tr ng t ch c th c hi n n i dung ch o c a y ban nhân dân t nh t i v n b n này; báo cáo k t qu th c hi n v i y ban nhân dân t nh theo quy nh./.

N i nh n:

- Th ng tr c T nh y;
- Th ng tr c H ND t nh;
- Ch t ch UBND t nh;
- Các PCT UBND t nh;
- Chánh VP UBND t nh;
- Nh Kính g i;
- Phó CVP UBND t nh - Nguy n Thanh;
- Tr ng Phòng KT CNLN;
- L u VT, (Đt 30).

TM. Y BAN NHÂN DÂN

KT. CH T CH

PHÓ CH T CH

ã ký

Nguy n ình Quang